

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 491/2024/DS-PT

Ngày 29/8/2024

“V/v Tranh chấp chia thừa  
kế quyền sử dụng đất và tài  
sản khác”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Trần Trung Thành  
tòa:

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Thông

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:  
Bà Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/7 và 29/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng  
Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2024/TLPT-DS ngày 26  
tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài  
sản khác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023  
của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 360/2024/QĐ-PT ngày  
27 tháng 4 năm 2024, giữa:

\* Nguyên đơn:

1. Bà Hồ Thị P, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị P: Ông Nguyễn Văn Y, sinh  
năm 1959;

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản  
ủy quyền ngày 06/5/2024.

2. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1955 (chết ngày 07/4/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H, chết ngày  
07/4/2024;

- Bà Trần Kim H1, sinh năm 1960 (Vợ ông H);
- Anh Hồ Minh T, sinh năm 1981 (con ông H);
- Anh Hồ Văn T1, sinh năm 1984 (con ông H);
- Anh Hồ Văn T2, sinh năm 1986 (con ông H);
- Chị Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1989 (con ông H);

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Kim H1, anh Hồ Văn T1, anh Hồ Văn T2 và chị Hồ Thị Trúc L: Anh Hồ Minh T, sinh năm 1981;*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/05/2024;

*\* Bị đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1962;*

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hồ Văn V: Luật sư Nguyễn Hoàng N, Văn phòng L6, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.*

Địa chỉ: Số C T, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Văn T3, sinh năm 1984;

2. Bà Trần Thị L1 (L2), sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Trần Thị L3 (Lời), sinh năm 1947;

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L1 (L2), bà Trần Thị L3 (Lời): Ông Hồ Văn V, sinh năm 1962;*

Địa chỉ cư trú: L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024;

*\* Người kháng cáo: Ông Hồ Văn V là bị đơn.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:**

Bà và bị đơn ông Hồ Văn V là chị em ruột với nhau, phần đất tranh chấp mà bà yêu cầu ông V chia thừa kế là của ông bà ngoại (tên ông ngoại là cụ Trần Văn T4, bà ngoại là cụ Nguyễn Thị S). Sau đó cụ T4, cụ S qua đời mới để lại cho 02 người con gái là bà Trần Thị H2 (Mẹ của bà P, ông H, ông V), bà Trần Thị L4 - mẹ bà P và L4 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992, diện tích được cấp giấy của mẹ bà đối với đất ruộng 4.404m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1330, tờ bản đồ 02; đối với đất cây lâu năm và thổ là 1.446m<sup>2</sup>, thuộc thửa 551, tờ bản đồ số 2, đều tọa lạc xã L huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó mẹ bà P chết, nên phần đất ủy quyền lại cho ông V đứng tên và hiện nay ông V quản lý, sử dụng phần đất ruộng, phần đất thổ thì bà P đang cất nhà ở một phần, phần còn lại trống, khi mẹ bà P chết không để lại di chúc. Nay bà P yêu cầu

Tòa án xem xét chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể: phần đất thổ cư, cây lâu năm ngang phía trước 4,87 mét, ngang phía sau 4,81 mét, dài một cạnh là 54,68 mét. dài một cạnh 55,71 mét, diện tích là 262m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thừa 18 (thừa cũ 551), tờ bản đồ số 15 (cũ là tờ bản đồ số 02), hiện tại phần đất này có căn nhà bà P trên đó và được hưởng luôn các cây mẹ trồng để lại nếu dính vào phần đất được chia, đối với phần nhà của bà P nếu có phạm qua đất của ông V được chia phần nào thì bà P thống nhất tháo dỡ, giao đất cho ông V; phần đất ruộng thì bà P yêu cầu chia đất, diện tích là 1.418,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1330 (thừa cũ), tờ bản đồ số 02.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn V là yêu cầu bà P phải chia 1/3 giá trị theo định giá nhà nước gồm các tài sản sau: 01 cái tủ chén gỗ thao lao; 01 dàn (01 cái) máy may hiệu Singer; 165 gạ lúa = 8.800.000 đồng và 3,8 lượng vàng 24kara = 69.660.000 đồng; phần đất 1.000m<sup>2</sup> ở thị xã T, phần đất 360m<sup>2</sup> ở xã L, huyện H. Qua đó thì bà P không đồng ý một phần, vì không có 165 gạ lúa; 3,8 lượng vàng 24kara và phần đất 1.000m<sup>2</sup> ở thị xã T, đất 360m<sup>2</sup> ở xã L, huyện H. Bà P chỉ thừa nhận là mẹ chết có để lại 01 cái tủ chén gỗ thao lao, 01 dàn (01 cái) máy may hiệu Singer (đều đã cũ), phần này bà P đồng ý chia 1/3 giá trị theo định giá cho ông V.

**- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn H, anh Hồ Minh T người đại diện ủy quyền của ông H trình bày:**

Ông Hồ Văn H và bị đơn ông Hồ Văn V là anh em ruột với nhau, phần đất tranh chấp mà ông H yêu cầu ông V chia thừa kế là của ông bà ngoại tên Trần Văn T4, Nguyễn Thị S chết để lại cho 02 người con gái là bà Trần Thị H2 (Mẹ ruột của ông H), bà Trần Thị L4, và bà H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992, diện tích được cấp giấy là đối với đất ruộng 4.404m<sup>2</sup>, đối với đất cây lâu năm là 1.446m<sup>2</sup>, sau đó bà H2 chết không để lại di chúc, nên phần đất ủy quyền lại cho ông V đứng tên và hiện nay ông V quản lý, sử dụng. Nay ông H yêu cầu ông V chia thừa kế quyền sử dụng đất: Đối với đất thổ cư, cây lâu năm là 257,4m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thừa 18 (thừa cũ 551), tờ bản đồ số 15; Đối với phần đất ruộng thì yêu cầu chia đất, diện tích là 1.418,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1330, tờ bản đồ số 02 – đều tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và được hưởng luôn các cây bà nội trồng để lại nếu dính vào phần đất được chia; Đối với phần đất ruộng khi bà H2 chết năm 1996 đến năm 2021 là do ông H canh tác, từ năm 2021 đến nay là thực hiện thông báo của Ủy ban nhân dân xã L nên giao lại phần đất này cho ông V canh tác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông V yêu cầu ông H chia tài sản của cha mẹ để lại gồm: 01 cái Li oản thùng bằng gỗ bên chia 1/3 giá trị theo định giá nhà nước; 01 cái tủ đứng bằng gỗ cà chắt chia 1/3 giá trị theo định giá nhà nước; 01 tủ thờ bằng gỗ cà chắt chia 1/3 giá trị theo định giá nhà nước – phần tài sản này đồng ý chia 1/3 giá trị theo định giá nhà nước cho ông V. Đối với phần đất 1.000m<sup>2</sup> ở thị xã T, phần đất 360m<sup>2</sup> ở xã L thì không đồng ý, vì không có sổ tài sản này.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn H (người đại diện là anh Hồ Minh T), bà Hồ Thị P thống nhất đối với 1/3 giá trị tài sản của ông Hồ Văn H được hưởng từ chỗ bà Hồ Thị P có nghĩa vụ và 1/3 giá trị tài sản của bà Hồ Thị P được hưởng từ chỗ ông Hồ Văn H có nghĩa vụ - thì ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P đều thống nhất không nhận, đồng ý giao cho người được quản lý sử dụng di sản sở hữu; Đối với phần nhà bà P có phạm qua phần đất ông H được chia thì ông H (người đại diện là anh Hồ Minh T) thống nhất không tranh chấp mà cho bà P tiếp tục ở.

**- Trước khi mở phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn V trình bày và yêu cầu phản tố:**

Ông và nguyên đơn ông Hồ Văn H và bà Hồ Thị P là anh em ruột với nhau, phần đất tranh chấp mà ông H, bà P yêu cầu ông V chia thừa kế là của ông Trần Lai H3, sau đó cụ H3 qua đời mới để lại cho ông cố là cụ Trần Văn C, cụ C qua đời mới để lại cho ông ngoại ông V tên Trần Văn T4, cụ T4 qua đời mới để lại cho 03 người con gái là bà Trần Thị H2 (Mẹ ông V), bà Trần Thị L4, bà Trần Thị L3, diện tích đất ruộng mà cụ T4 để lại là khoảng 4.200m<sup>2</sup>, còn đất vườn tạp, thổ cư khoảng 3.000m<sup>2</sup>, phần đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H2 (mẹ ông V) và cả hai phần đất này thì trước đây ông H, bà P chia cho ông V được hưởng (cho luôn), nay ông H, bà P yêu cầu chia thừa kế thì ông V không đồng ý - đối với căn nhà bà P đang cất trên phần đất tranh chấp, thì bà P cứ ở đến khi qua đời trả lại đất cho ông V. Trong vụ án này ông có yêu cầu phản tố như sau: Khi cha mẹ ông V chết có để lại một số tài sản gồm: 1.000m<sup>2</sup> đất thổ cư ở thị xã T, An Giang, phần đất này ông H lấy bán được 115 chỉ vàng 24kara, ông H và bà P chia với nhau số vàng bán đất được (bà P lấy 75 chỉ vàng 24kara, ông H lấy 40 chỉ vàng), và phần đất 360m<sup>2</sup> đất thổ cư ở xã L, huyện H phần đất nhà nước cấp cho cha ông V năm 1980, đến năm 2013 ông H lấy bán cho ông Hồ Út E ngang 13m, dài 20m, bán giá 13 chỉ vàng 24kara, phần còn lại bán cho ông V1 năm 2013, bán giá bao nhiêu không biết. Nay ông yêu cầu bà P chia cho ông V 1/3 giá trị 75 chỉ vàng mà bà P đã hưởng là 650.000.000 đồng, ông yêu cầu ông H chia cho ông V 1/3 giá trị vàng mà ông H đã hưởng của 02 phần đất là 550.000.000 đồng; ngoài ra còn có 01 số tài sản khác gồm: 01 cái máy may hiệu Singer, 01 cái tủ chén bằng thau lao, 165 dạ lúa và 3,8 lượng vàng 24kara do bà P quản lý, ông V yêu cầu bà P chia 1/3 giá trị theo định giá (thống nhất giao tủ và mái may cho bà P sử dụng); 01 Li oăn thùng bằng gỗ bên, 01 cái tủ đứng bằng gỗ cà chắt, 01 cái tủ thờ bằng gỗ cà chắt hiện do ông H quản lý, ông V yêu cầu ông H chia 1/3 giá trị theo định giá, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P – về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn V chia thừa kế quyền sử dụng đất tại các thửa 551, 1330, tờ bản đồ số 02 thuộc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng

Tháp của cụ Trần Thị H2 chết để lại. Cụ thể chia như sau:

\* Thửa 551, tờ bản đồ số: 02, mục đích sử dụng: đất ở và cây lâu năm - được chia làm 03 phần:

- Phần ông Hồ Văn H, được chia diện tích 257,4m<sup>2</sup>, cạnh chiều ngang giáp lộ 4,88 mét, cạnh chiều ngang sau hậu 4,81 mét, chiều dài một cạnh từ giáp lộ kéo vào hậu 53,65 mét (hướng giáp đất ông Huỳnh Văn S1), chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 54,68 mét (Có vị trí từ điểm M1 => M2 => M17 => M16 trở về M1). Được sử dụng luôn cả những cây trồng do bà Trần Thị H2 để lại có trong phạm vi phần đất được chia (phần này ông Hồ Văn H chưa sử dụng).

- Phần bà Hồ Thị P, được chia diện tích 262m<sup>2</sup>, cạnh chiều ngang giáp lộ 4,87 mét, cạnh chiều ngang sau hậu 4,81 mét, chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 54,68 mét (hướng giáp đất ông Hồ Văn H được chia), chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 55,71 mét (Có vị trí từ điểm M16 => M17 => M18 => M15 trở về M16). Được sử dụng luôn cả những cây trồng do bà Trần Thị H2 để lại có trong phạm vi phần đất được chia (phần này hiện bà P đang quản lý cất nhà ở)

- Phần ông Hồ Văn V, được chia diện tích 267,5m<sup>2</sup>, cạnh chiều ngang giáp lộ 4,88 mét, cạnh chiều ngang sau hậu 4,81 mét, chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 55,71 mét (hướng giáp đất bà Hồ Thị P được chia), chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 56,74 mét (Có vị trí từ điểm M15 => M18 => M19 => M14 trở về M15). Được sử dụng luôn cả những cây trồng do bà Trần Thị H2 để lại có trong phạm vi phần đất được chia (phần này ông Hồ Văn V chưa sử dụng); Bà Hồ Thị P có trách nhiệm tháo dỡ, di dời bằng mọi hình thức phần nhà của bà P đã phạm qua phần đất của ông Hồ Văn V được chia – ký hiệu V, diện tích 4,5m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc thực tế).

Các phần đất trên hiện do ông Hồ Văn V đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp ngày 15/12/2000 – nên ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P, ông Hồ Văn V có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh, sang tên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định đối với phần đất mỗi người được chia như nêu.

\* Thửa 1330, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng: trồng lúa – được chia làm 03 phần, nhưng ông Hồ Văn V chỉ chia giá trị theo kỹ phần của mỗi người là ông Hồ Văn H 117.062.000 đồng, bà Hồ Thị P 117.062.000 đồng (theo Kết luận giá trị của Hội đồng định giá tài sản huyện H ngày 16/3/2023 là 82.500 đồng/m<sup>2</sup> x 4.256,8m<sup>2</sup> : 3 phần = 117.062.000 đồng). Ông Hồ Văn V được tiếp tục quản lý sử dụng hết phần đất tại thửa 1330, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng: trồng lúa theo giấy chứng nhận đã được cấp ngày 15/12/2000 và hiện đang canh tác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

*(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 14/SĐ,ĐĐ/VP,ĐKĐĐHHN2022 ngày 31/5/2022 và số: 15/SĐ,ĐĐ/VP,ĐKĐĐHHN2022 ngày 31/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).*

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện phần tố của bị đơn ông Hồ Văn V, về việc yêu cầu các nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị V2 chia 1/3 giá trị tài sản của bà Trần Thị H2 chết để lại, gồm: 1000m<sup>2</sup> đất ở thị xã T, tỉnh An Giang; 360m<sup>2</sup> đất ở xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; 165 gia lúa; 3,8 lượng vàng 24kara; 01 Li văng thùng bằng gỗ bênh, 01 cái tủ đứng bằng gỗ cà chắt, 01 cái tủ thờ bằng gỗ cà chắt; 01 cái máy may hiệu Singer, 01 cái tủ chén bằng gỗ thao lao.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp:

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Hồ Văn H (người đại diện là anh Hồ Minh T) chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp là: 5.599.520đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn ông Hồ Văn H đã nộp tạm ứng là: 5.599.520đồng. Vậy nguyên đơn ông Hồ Văn H đã nộp xong tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp; Các đương sự khác còn lại không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P; bị đơn ông Hồ Văn V đều được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

- Các đương sự khác còn lại không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, ông Hồ Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 27/12/2023. Ông Hồ Văn V kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Bị đơn ông Hồ Văn V trình bày:* Ông V thống nhất về mối quan hệ hàng thừa kế giữa nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P với ông Hồ Văn V, ông Hồ Văn B chết năm 1973, không có vợ con. Ông V xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Trần Văn T4 (*ông ngoại ông V, ông H và bà P*), chết để lại cho 03 người con gái gồm bà Trần Thị H2 (*là mẹ của ông V, ông H và bà P*), bà Trần Thị L4, bà Trần Thị L3. Sau đó, mẹ ông là bà Trần Thị H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất tranh chấp có căn nhà bà P đang ở, thì bà P chỉ được ở đến hết đời thì trả lại đất cho ông V, vì phần đất này là của ông được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp

pháp nên ông không đồng ý chia thừa kế cho bà P và ông H. Trong trường hợp chia thừa kế, ông V yêu cầu được nhận phần thừa kế của mình được hưởng, không đồng ý trả giá trị đất theo phần thừa kế mà bà P, ông H được hưởng theo pháp luật.

Luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Hồ Văn V tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Thống nhất với ông H, bà P về di sản của ông K và bà H2 gồm thửa 551, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.300,9m<sup>2</sup> (theo giấy CNQSD đất được cấp là: 1.446m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất thổ và cây lâu năm; tại thửa 1330, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.256,8m<sup>2</sup> (theo giấy được cấp là: 4.404m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: lúa. Đồng thời, luật sư cho rằng án sơ thẩm chia thừa kế diện tích đất của ông K và bà H2 mà không xem xét công sức của ông V là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn V.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn V, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Hồ Văn V đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của ông Hồ Văn V được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xác định di sản để chia thừa kế:

[2.1] Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp yêu cầu chia thừa kế giữa các nguyên đơn đối với bị đơn ông Hồ Văn V trong vụ án này có tổng diện tích theo yêu cầu chia thừa kế, gồm:

- Thửa số 1330, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.404m<sup>2</sup> (*đo đạc thực tế diện tích 4.256,8m<sup>2</sup>*), mục đích sử dụng lúa (*theo bản đồ tọa độ lưới, tương ứng thửa 1330 thành thửa mới là thửa 814*).

- Thửa 551, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.446m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất T 446m<sup>2</sup>, đất LNK 1.000m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp

(*theo giấy CN.QSDĐ thửa 551, 1330 được UBND huyện H cấp ngày 15/12/2000 cấp cho hộ ông Hồ Văn V, BL 76*).

Các đương sự nguyên, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Trần Văn T4, cụ Nguyễn Thị S

(là ông bà ngoại của ông H, bà P, ông V). Sau khi cụ Trần Văn T4, cụ Nguyễn Thị S chết để lại phần đất trên cho bà Trần Thị H2 quản lý, sử dụng và bà Trần Thị L4 quản lý sử dụng phần đất khác không liên quan đến phần đất đang tranh chấp (còn bà L3 về sống bên chồng ở tỉnh An Giang và không nhận đất (**BL 133**), vì cụ Trần Văn T4, cụ Nguyễn Thị S có 03 người con gồm bà Trần Thị H2, bà Trần Thị L4 và bà Trần Thị L3. Sau đó, bà H2 với bà L4 đã tự thỏa thuận phân chia mỗi người nhận ½ diện tích đất của cụ T4, cụ S chết để lại, sau đó bà H2 đã kê khai phần của bà H2 được nhận và bà H2 được UBND huyện H cấp giấy CN.QSDĐ vào ngày 13/10/1992, tổng diện tích 5.850m<sup>2</sup>, gồm **thửa 1330**, tờ bản đồ 02, diện tích 4.404m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất 2L (đo đạc thực tế diện tích 4.256,8m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng lúa (theo bản đồ tọa độ lưới, tương ứng thửa 1330 thành thửa mới là thửa 814) và **thửa 551**, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.446m<sup>2</sup>, mục đích đất ở 446m<sup>2</sup>, đất LNK, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (**BL 76**) (theo bản đồ tọa độ lưới, tương ứng một phần thửa 551, thành thửa mới là thửa 18, tờ bản đồ số 15, theo bản đồ giải thửa).

[4] Ngoài ra, các nguyên, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận ông Hồ Văn K1, chết năm 2004 (là chồng bà H2, là cha của ông H, bà P, ông V), mẹ là bà Trần Thị H2 (chết năm 1996). Ông K1 và bà H2 là vợ chồng có 04 người con chung, gồm: 1. Ông Hồ Văn B (chết năm 1973, không có vợ, con); 2. ông Hồ Văn H; 3. bà Hồ Thị P và 4. ông Hồ Văn V. Ông K1 và bà H2, chết không có di chúc.

[5] Xét kháng cáo của ông Hồ Văn V không đồng ý yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất thửa 1330, 551, vì ông đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1330, 551 là hợp pháp. Tại phiên tòa người đại diện của các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận phần đất tranh chấp (thửa 1330, 551) có nguồn gốc là của cụ Trần Văn T4, cụ Nguyễn Thị S và bà H2 đã kê khai đăng ký, được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1330, 551 từ năm 1992 nên các nguyên đơn gồm ông H, bà P yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật (chia làm 03 phần bằng nhau); bị đơn ông V cũng thừa nhận phần đất tranh chấp trên là của bà H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1992, nhưng bà H2 đã cho ông và ông đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 551 và thửa 1330 vào ngày 15/12/2000, nên ông V không đồng ý chia thừa kế. Việc ông V cho rằng mẹ là bà H2 đã cho ông V phần đất này, nhưng ông V không đưa ra được văn bản, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của ông là có căn cứ.

Xét thấy, Theo Tờ ủy quyền ngày 25/10/2000 của ông Hồ Văn V (**BL 21**) và Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/10/2000 của ông Hồ Văn V (**BL 20**) đều thể hiện ông Hồ Văn V nhận ủy quyền đại diện đứng tên giấy CN.QSDĐ phần đất thửa **thửa 1330**, tờ bản đồ 02, diện tích 4.404m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất 2L và **thửa 551**, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.446m<sup>2</sup>, mục đích đất ở 446m<sup>2</sup>, đất LrK, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.



[6] Mặt khác, theo quyết định số 796/QĐ-UB ngày 15/12/2000 của Ủy ban nhân dân huyện H, xác định “*thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị H2 (lý do bà H2 là người đại diện đứng tên đã chết)*” (**BL 18**) và Công văn số 3447/CNVPĐKĐĐ ngày 18/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, xác định “*ông Hồ Văn V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với tư cách đại diện hộ đứng tên*” (**BL. 94**) Từ đó, có cơ sở xác định nguồn gốc thửa 551 và thửa 1330 là di sản của cụ K1 và cụ H2. Tuy nhiên, ngày 25/10/2000 ông Hồ Văn V đi kê khai để đứng tên quyền sử dụng toàn bộ phần đất của bà H2 mà chưa có ý kiến của cụ K1 (*cụ K1 chết năm 2004*), ông H, bà P là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông H, bà P là phù hợp.

[7] Đối với phần đất còn lại phía sau hậu giáp tới đất ông Trần Văn T5 do có mồ mã của ông bà, cha mẹ, do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và phần đất mà ông H được chia thừa kế thuộc thửa 551 có một phần nhà của bà P phạm vào ranh đất chia cho ông H thì ông H không tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là phù hợp.

[8] Đối với phần nhà của bà P phạm vào ranh đất chia cho ông V thì bà P đồng ý tự nguyện tháo dỡ, di dời giao đất cho ông V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện này là phù hợp.

[9] Phần di sản của cụ T4 và cụ H2, đối với thửa **1330**, đo đạc thực tế diện tích 4.256,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất lúa, chia làm 3 phần cho ông V, ông H và bà P. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho ông V được quyền sử dụng thửa 1330 và buộc ông V có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất (**thửa 1330**) cho ông H với số tiền 117.062.000 đồng và bà P với số tiền 117.062.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật là QSD đất làm bốn phần đối với thửa 1330 và ông V được nhận 02 kỷ phần (trong đó có một kỷ phần tương ứng công sức gìn giữ, bảo quản di sản) tương đương diện tích **2.128,4m<sup>2</sup>**, ông H nhận 01 kỷ phần tương đương diện tích **1.064,2m<sup>2</sup>** và bà H nhận 01 kỷ phần tương đương diện tích **1.064,2m<sup>2</sup>**.

Xét thấy, ông V kháng cáo cho rằng phần đất tranh chấp ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng, trông coi gìn giữ bảo quản nên ông V yêu cầu xem xét được hưởng thêm một kỷ phần tương đương công sức quản lý, trông coi, gìn giữ di sản là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản của cụ K1 và cụ H2 thành 03 phần bằng nhau là chưa tính công sức đóng góp của ông V trong việc trông coi, gìn giữ di sản sau khi cụ H2 chết để lại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V về việc trích 01 kỷ phần tương ứng công sức quản lý, trông coi, gìn giữ di sản khi chia thừa kế là có căn cứ, đúng quy định theo điểm c khoản 2 Điều 618 Bộ luật dân sự, phù hợp với án lệ số 05/2016/AL ngày 06/04/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đồng thời, tại phiên tòa cấp phúc thẩm ông V, người đại diện bà P và người đại diện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H thống nhất yêu cầu nhận hiện vật là được quyền sử dụng phần diện tích thuộc thửa **1330**, đo đạc thực tế diện tích 4.256,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất lúa. Mặt khác, ông V cũng không đồng ý nhận hiện vật là toàn bộ diện tích 4.256,8m<sup>2</sup> thửa **1330**, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất lúa và buộc ông V phải trả giá trị theo kỹ phần của mỗi người là ông Hồ Văn H 117.062.000 đồng, bà Hồ Thị P 117.062.000 đồng vì ông V không có khả năng kinh tế để bồi hoàn bằng tiền cho các đồng thừa kế ông H, bà P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo là chia hiện vật là quyền sử dụng đất.

Theo công văn số 1453/UBND-NC ngày 27/08/2024 của UBND huyện H xác định: *“Đối với thửa 551 và thửa đất số 1330, tờ bản đồ số 2, bản đồ giải thửa, đất tọc lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trường hợp thừa kế phân chia quyền sử dụng đất được xem xét tách thửa theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của UBND tỉnh Đ...”*.

[10] Phần di sản của cụ T4 và cụ H2, đối với diện tích **786,9m<sup>2</sup>** thuộc thửa 551, đo đạc thực tế diện tích 1.300,9m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất thổ và cây lâu năm. Tòa án cấp sơ thẩm, chia làm 3 phần cho ông V 01 kỹ phần tương đương diện tích **267,5m<sup>2</sup>**, ông H 01 kỹ phần tương đương diện tích **257,4m<sup>2</sup>** và bà P 01 kỹ phần tương đương diện tích **262m<sup>2</sup>**. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông V yêu cầu chia thừa kế làm 4 phần đối với diện tích **786,9m<sup>2</sup>** thuộc thửa 551 và ông V nhận 02 kỹ phần tương đương diện tích **393,5m<sup>2</sup>**, ông H nhận 01 kỹ phần tương đương diện tích **196,7m<sup>2</sup>** và bà H nhận 01 kỹ phần tương đương diện tích **196,7m<sup>2</sup>**.

Xét thấy, ông V được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 551, tờ bản đồ số 02, đo đạc thực tế diện tích 1.300,9m<sup>2</sup> (theo giấy được cấp diện tích là: 1.446m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất thổ và cây lâu năm. Tuy nhiên, theo hiện trạng thực tế mặt giáp đường đường nông thôn nếu chia làm bốn phần thì chiều ngang tiếp giáp với mặt đường nông thôn chỉ có 3,65m chưa đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Đ. Mặt khác, ông V đã được xem xét công sức trông coi gìn giữ di sản bằng tương đương 01 kỹ phần tại thửa 1330 là đã phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phân chia thừa kế diện tích **786,9m<sup>2</sup>** thuộc thửa 551 làm 03 phần cho các đương sự là phù hợp.

[11]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông V, yêu cầu các nguyên đơn ông H, bà P chia **1/3** giá trị các tài sản thừa kế, gồm phần đất thổ cư diện tích 360m<sup>2</sup> tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, phần đất thổ cư diện tích 1.000m<sup>2</sup> tại thị xã T, tỉnh An Giang và các tài sản khác như 01 cái máy may hiệu siger, 01 cái tủ chén bằng gỗ thao lao, 01 đi văng thùng bằng gỗ bên, 01 cái tủ đứng bằng gỗ cà chắt, 01 cái tủ thờ bằng gỗ cà chắt, 165 giạ lúa, 3,8 lượng vàng 24kara. Tuy nhiên, qua nhiều lần Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập (**BL 262**) 02

hợp lệ 02 lần, (**BL 273**) và (**BL 286**), nhưng bị đơn ông V vắng mặt không lý do (ông V từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án) nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông V là có căn cứ.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn V là chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của các Luật sư một phần có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, sửa án sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Hồ Văn V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 167, 170, 179, 188, 203 Luật Đất đai; Căn cứ các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn V.

- Sửa bản án sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P – về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn V chia thừa kế quyền sử dụng đất tại các thửa 551, 1330, tờ bản đồ số 02 thuộc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp của cụ Trần Thị H2 chết để lại. Cụ thể chia như sau:

\* Thửa 551, tờ bản đồ số: 02, mục đích sử dụng: đất ở và cây lâu năm – được chia làm 03 phần:

- Phần ông Hồ Văn H, được chia diện tích **257,4m<sup>2</sup>**, cạnh chiều ngang giáp lộ 4,88 mét, cạnh chiều ngang sau hậu 4,81 mét, chiều dài một cạnh từ giáp lộ kéo vào hậu 53,65 mét (hướng giáp đất ông Huỳnh Văn S1), chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 54,68 mét (Có vị trí từ điểm M1 => M2 => M17 => M16 trở về M1). Được sử dụng luôn cả những cây trồng do bà Trần Thị H2 để lại có trong phạm vi phần đất được chia (phần này ông Hồ Văn H chưa sử dụng).

- Phần bà Hồ Thị P, được chia diện tích **262m<sup>2</sup>**, cạnh chiều ngang giáp lộ 4,87 mét, cạnh chiều ngang sau hậu 4,81 mét, chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 54,68 mét (hướng giáp đất ông Hồ Văn H được chia), chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 55,71 mét (Có vị trí từ điểm M16 => M17 => M18 => M15 trở về M16). Được sử dụng luôn cả những cây trồng do bà Trần Thị H2 để lại có

trong phạm vi phần đất được chia (phần này hiện bà P đang quản lý cất nhà ở)

- Phần ông Hồ Văn V, được chia diện tích **267,5m<sup>2</sup>**, cạnh chiều ngang giáp lộ 4,88 mét, cạnh chiều ngang sau hậu 4,81 mét, chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 55,71 mét (hướng giáp đất bà Hồ Thị P được chia), chiều dài một cạnh từ lộ kéo vào hậu 56,74 mét (Có vị trí từ điểm M15 => M18 => M19 => M14 trở về M15). Được sử dụng luôn cả những cây trồng do bà Trần Thị H2 để lại có trong phạm vi phần đất được chia (phần này ông Hồ Văn V chưa sử dụng); Bà Hồ Thị P có trách nhiệm tháo dỡ, di dời bằng mọi hình thức phần nhà của bà P đã phạm qua phần đất của ông Hồ Văn V được chia – ký hiệu V, diện tích 4,5m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc thực tế).

Các phần đất trên hiện do ông Hồ Văn V đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp ngày 15/12/2000 – nên ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P, ông Hồ Văn V có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh, sang tên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định đối với phần đất mỗi người được chia như nêu.

\* Thừa **1330**, tờ bản đồ số: 02, đo đạc thực tế diện tích **4.256,8m<sup>2</sup>**, mục đích sử dụng đất lúa – được chia làm 04 phần:

- Ông Hồ Văn H (*những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H, gồm bà Trần Kim H1, anh Hồ Minh T, anh Hồ Văn T1, anh Hồ Văn T2, chị Hồ Thị Trúc L*) được nhận thừa kế 01 kỷ phần quyền sử dụng diện tích **1.139m<sup>2</sup>**, (*trong phạm vi các mốc M4, M5, M6, M7 trở về M4 theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2024*) thuộc thửa **1330**, tờ bản đồ số: 02, đo đạc thực tế diện tích **4.256,8m<sup>2</sup>**, mục đích sử dụng đất lúa, được UBND huyện H cấp ngày 15/12/2000 cấp cho hộ ông Hồ Văn V.

- Bà Hồ Thị P được nhận thừa kế 01 kỷ phần quyền sử dụng diện tích **1.092,4m<sup>2</sup>**, (*trong phạm vi các mốc M4, M7, M6, M3 trở về M4 theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2024*) thuộc thửa **1330**, tờ bản đồ số: 02, đo đạc thực tế diện tích **4.256,8m<sup>2</sup>**, mục đích sử dụng đất lúa, được UBND huyện H cấp ngày 15/12/2000 cấp cho hộ ông Hồ Văn V.

- Ông Hồ Văn V được nhận thừa kế 02 kỷ phần quyền sử dụng diện tích **2.025,4m<sup>2</sup>**, (*trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M6, M9, M10 trở về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2024*) thuộc thửa **1330**, tờ bản đồ số: 02, đo đạc thực tế diện tích **4.256,8m<sup>2</sup>**, mục đích sử dụng đất lúa, được UBND huyện H cấp ngày 15/12/2000 cấp cho hộ ông Hồ Văn V.

Các phần đất trên hiện do ông Hồ Văn V đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp ngày 15/12/2000 nên ông Hồ Văn H (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H, gồm bà Trần Kim H1, anh Hồ Minh T, anh Hồ Văn T1, anh Hồ Văn T2, chị Hồ Thị Trúc L*), bà Hồ Thị P, ông Hồ Văn V có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh, sang tên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định đối với phần đất mỗi người được chia như nêu. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn V đứng tên đại diện Hộ cấp ngày 15/12/2000 để điều chỉnh cấp lại cho các đương sự theo các phần diện tích như trên (mục đích sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền

xác định).

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc số: 14/SĐ.ĐĐ/VP. ĐKĐĐHHN2022 ngày 31/5/2022 và số: 15/SĐ.ĐĐ/VP.ĐKĐĐHHN2022 ngày 31/5/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn ông Hồ Văn V, về việc yêu cầu các nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị V2 chia 1/3 giá trị tài sản của bà Trần Thị H2 chết để lại, gồm: 1000m<sup>2</sup> đất ở thị xã T, tỉnh An Giang; 360m<sup>2</sup> đất ở xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; 165 gạ lúa; 3,8 lượng vàng 24kara; 01 Li văng thùng bằng gỗ bênh, 01 cái tủ đứng bằng gỗ cà chắt, 01 cái tủ thờ bằng gỗ cà chắt; 01 cái máy may hiệu Singer, 01 cái tủ chén bằng gỗ thao lao.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp:

- Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Hồ Văn H (người đại diện là anh Hồ Minh T) chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp là: 5.599.520đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn ông Hồ Văn H đã nộp tạm ứng là: 5.599.520đồng. Vậy nguyên đơn ông Hồ Văn H đã nộp xong tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp; Các đương sự khác còn lại không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp.

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hồ Minh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 24/7/2024 với số tiền 600.000đ anh Hồ Minh T nộp tạm ứng và đã chi xong. Các đương sự khác còn lại không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2024.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị P; bị đơn ông Hồ Văn V đều được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hồ Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án chưa thi hành án xong còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- CCTHADS huyện Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trung Thành**

Công văn số 1795/UBND-HC ngày 05/12/2022 của UBND thành phố H xác định giấy CN.QSĐĐ cấp cho hộ bà Trần Thị H2, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00656.QSD Đ/A1 ngày 13/10/1993, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không ghi nhận số thành viên trong hộ (**BL 97**);

BBLLK của bà Trần Thị L4 (em ruột bà H2) ngày 13/02/2023 (BL 129);

Đơn xin xx vắng mặt của anh Huỳnh Văn T3 ngày 13/02/2023 (BL 135);

Đơn xin xx vắng mặt của bà Trần Thị L5 ngày 13/02/2023 (BL 137);

Đơn xin xx vắng mặt của bà Trần Thị L4 ngày 13/02/2023 (BL 139);

Sơ đồ ngày 31/5/2022 (BL 62);

BBXTĐTC ngày 31/5/2022 (BL61);

BBXTĐTC ngày 12/10/2023 (BL253);

BB ĐỊNH GIÁ ngày 16/3/2023 (BL 163);

Đơn phản tố ngày 10/4/2023 của ông Hồ Văn V (BL 189);

BB tổng đạt QĐXX cho ông V (BL 262);

BB tổng đạt QĐH cho ông V nhưng ông không ký tên vào BB (BL 273);

BB tổng đạt QĐTN cho ông V nhưng ông không ký tên vào BB (BL 286);

**Theo sơ đồ đo đạc: Ông H được hưởng diện tích 257,4m<sup>2</sup>, trong cá mốc M1, M2, M16, trở về M1 (Thửa 3);**

**Theo sơ đồ đo đạc: bà P được hưởng diện tích 262m<sup>2</sup>, trong cá mốc M16, M17, M18, M15 trở về M16 (Thửa 6);**

**Theo sơ đồ đo đạc: ông V được hưởng diện tích 267,5m<sup>2</sup>, trong cá mốc M15, M18, M19, M14 trở về M15 (Thửa 6);**

**Tổng diện tích phân chia 3 kỹ phần là 786,9m<sup>2</sup>/1.**

*(Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H, gồm bà Trần Kim H1, anh Hồ Minh T, anh Hồ Văn T1, anh Hồ Văn T2, chị Hồ Thị Trúc L)*